

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ
VĨNH YÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 06/10/2016
Ông Hoàng Quang Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm ngày 06/10/2016
	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 06/10/2016
Ông Lê Duy Hiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/10/2016
Ông Ngô Văn Thức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/10/2016
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Kiều Đức Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/10/2016
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/10/2016

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/10/2016
Ông Lê Duy Hiên	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/10/2016

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Thom
Bà Đào Phương Liễu
Ông Nguyễn Văn Thông

Kế toán trưởng

Ông Ngô Văn Thức	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 07/10/2016
Ông Đặng Việt Thắng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 06/10/2016

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

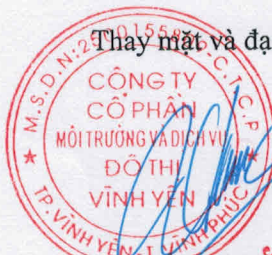
Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Văn Hùng

Ngô Văn Hùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vinh Phúc, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/03/2017, từ trang 6 đến trang 31 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2014-112-1

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2014-112- 1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.871.197.382	57.393.375.527
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	27.063.592.476	8.045.741.008
Tiền	111		27.063.592.476	8.045.741.008
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.074.843.556	48.366.029.837
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.146.106.150	39.725.331.543
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.439.805.479	3.772.334.735
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		205.441.622	204.390.033
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.939.056.922	4.663.973.526
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(655.566.617)	-
Hàng tồn kho	140		2.355.663.349	768.873.976
Hàng tồn kho	141	9	2.355.663.349	768.873.976
Tài sản ngắn hạn khác	150		377.098.001	212.730.706
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	217.671.193	204.243.898
Thuế GTGT được khấu trừ	152		150.940.000	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.486.808	8.486.808
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.023.880.115	83.466.641.803
Các khoản phải thu dài hạn	210		600.000.000	600.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	600.000.000	600.000.000
Tài sản cố định	220		63.140.751.586	73.845.719.920
Tài sản cố định hữu hình	221	10	63.140.751.586	73.845.719.920
- Nguyên giá	222		136.914.117.759	133.401.429.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.773.366.173)	(59.555.709.247)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.747.739.328	8.711.489.194
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	8.747.739.328	8.711.489.194
Tài sản dài hạn khác	260		535.389.201	309.432.689
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	535.389.201	309.432.689
TỔNG TÀI SẢN	270		153.895.077.497	140.860.017.330

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		52.578.528.261	30.195.846.023
Nợ ngắn hạn	310		52.578.528.261	30.195.846.023
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	8.137.940.905	5.994.062.253
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		150.262.345	12.344
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.830.660.091	992.899.447
Phải trả người lao động	314		5.913.346.253	5.162.679.114
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	4.605.999.983	7.684.747.107
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	30.333.011.298	4.386.484.816
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1.303.839.893	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	5.315.512.833
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		303.467.493	659.448.109
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.316.549.236	110.664.171.307
Vốn chủ sở hữu	410	15	43.266.588.554	42.417.287.051
Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.699.460.000	39.699.468.802
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.699.460.000	39.699.468.802
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.975.808	10.975.808
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.556.152.746	2.706.842.441
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(953.747.914)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.556.152.746	3.660.590.355
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	16	58.049.960.682	68.246.884.256
Nguồn kinh phí	431		4.201.331.261	7.036.279.261
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		53.848.629.421	61.210.604.995
TỔNG NGUỒN VỐN	440		153.895.077.497	140.860.017.330

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Đào Phương Liễu

Ngô Văn Thúc

Ngô Văn Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	89.204.851.886	95.509.318.171
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	541.298.909	489.270.909
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.663.552.977	95.020.047.262
Giá vốn hàng bán	11	19	75.461.214.811	83.864.861.764
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.202.338.166	11.155.185.498
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	92.926.895	30.236.273
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	21	38.550.000	16.350.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	9.193.062.140	7.694.782.950
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.063.652.921	3.474.288.821
Thu nhập khác	31	22	720.974.435	-
Chi phí khác	32	23	173.619.770	3.102.839
Lợi nhuận khác	40		547.354.665	(3.102.839)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.611.007.586	3.471.185.982
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	1.054.854.841	764.343.541
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.556.152.745	2.706.842.441
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	896	350

Người lập biểu



Đào Phương Liễu

Kế toán trưởng



Ngô Văn Thúc

Vinh Phúc, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngô Văn Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		94.720.789.601	95.735.675.491
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(63.889.457.804)	(52.999.997.065)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(40.133.584.366)	(32.489.565.041)
Tiền lãi vay đã trả	4		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(564.343.541)	(507.139.155)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		36.783.121.175	497.227.647
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(7.400.970.385)	(5.103.215.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.515.554.680	5.132.986.642
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.952.500.000)	(668.343.717)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		58.030.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		92.926.895	30.236.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.801.543.105)	(638.107.444)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.303.839.893	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.303.839.893	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.017.851.468	4.494.879.198
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	8.045.741.008	3.550.861.810
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	27.063.592.476	8.045.741.008

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Đào Phương Liễu

Ngô Văn Thức

Ngô Văn Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 630/QĐ-CT ngày 10 tháng 03 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên thành Công ty cổ phần. Ngày 09 tháng 05 năm 2003 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 12 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 2500155809.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 379, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 39.699.460.000 đồng
(Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng./.)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải không độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: xử lý môi trường làng nghề;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ lễ tang. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang quân nhân, dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận chuyển vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí công viên;
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình (không bao gồm cho thuê lại lao động);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị; Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng; Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông; Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ; Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ; Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty thông thường diễn ra trong thời gian 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là bao gồm các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016 được Công ty trình bày tại thuyết minh số 29.2.

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.603.675	1.877.523.099
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.057.988.801	6.168.217.909
	<u>27.063.592.476</u>	<u>8.045.741.008</u>

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	217.671.193	204.243.898
- Phân bón	-	10.682.100
- Công cụ, dụng cụ phân bố	217.671.193	193.561.798
Dài hạn	535.389.201	309.432.689
- Chi phí sửa chữa nâng cấp văn phòng	535.389.201	309.432.689
	<u>753.060.394</u>	<u>513.676.587</u>

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Sửa chữa lớn TSCĐ	154.593.851	-
- Chi phí đầu tư xây dựng	8.593.145.477	8.711.489.194
	<u>8.747.739.328</u>	<u>8.711.489.194</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	40.146.106.150	(655.566.617)	39.725.331.543	-
- Phòng Quản lý đô thị Thành phố Vinh Yên	22.639.236.000	-	21.099.884.000	-
- Phòng công thương Huyện Bình Xuyên	2.282.046.000	-	2.143.992.000	-
- Ban quản lý dự án xây dựng và GPMB Tam Đảo	2.648.947.000	-	1.477.008.678	-
- Ban quản lý dự án huyện Tam Dương	1.657.512.444	-	1.038.874.000	-
- BQL điện chiếu sáng công cộng, ngõ xóm Tp Vinh Yên ĐĐ 4	844.818.000	-	1.691.152.000	-
- Ban quản lý cây xanh Thành phố Vinh Yên	378.926.000	-	1.033.268.000	-
- Các đối tượng khác	9.694.620.706	(655.566.617)	11.241.152.865	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
	40.146.106.150	(655.566.617)	39.725.331.543	-

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.939.056.922	-	4.663.973.526	-
- Tạm ứng cho nhân viên	5.170.855.350	-	2.708.083.000	-
- Ký cược, ký quỹ	141.456.000	-	1.227.000.000	-
- Phải thu khác	626.745.572	-	728.890.526	-
Dài hạn	600.000.000	-	600.000.000	-
- Phải thu khối lượng bãi chôn lấp rác theo thăm tra Sở Tài chính	600.000.000	-	600.000.000	-
	6.539.056.922	-	5.263.973.526	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐỒ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	165.896.900	-	288.686.229	-
Công cụ, dụng cụ	130.538.892	-	80.673.040	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	763.202.508	-	142.718.933	-
Hàng hóa	1.296.025.049	-	256.795.774	-
	2.355.663.349	-	768.873.976	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐỒ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản công cộng được giao quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2016	13.245.781.674	143.900.000	25.944.826.276	94.066.921.217	133.401.429.167
- Mua trong kỳ	-	-	1.944.800.000	2.509.135.892	4.453.935.892
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(941.247.300)	-	(941.247.300)
31/12/2016	13.245.781.674	143.900.000	26.948.378.976	96.576.057.109	136.914.117.759
HAO MÓN LŨY KẾ					
01/01/2016	(7.140.282.194)	(138.177.168)	(22.082.047.407)	(30.195.202.478)	(59.555.709.247)
- Khấu hao trong kỳ	(845.983.702)	(5.722.832)	(1.532.288.232)	(12.532.225.210)	(14.916.219.976)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	698.563.050	-	698.563.050
- Giảm khác	-	-	-	-	-
31/12/2016	(7.986.265.896)	(143.900.000)	(22.915.772.589)	(42.727.427.688)	(73.773.366.173)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2016	6.105.499.480	5.722.832	3.862.778.869	63.871.718.739	73.845.719.920
31/12/2016	5.259.515.778	-	4.032.606.387	53.848.629.421	63.140.751.586

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 17.518.645.761 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐỒ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	8.137.940.905	8.137.940.905	5.994.062.253	5.994.062.253
- Bà Nguyễn Thị Tâm	1.044.000.000	1.044.000.000	1.044.000.000	1.044.000.000
- Ông Lê Đình Chi	80.000.000	80.000.000	1.233.461.000	1.233.461.000
- Ông Hoàng Minh Tuấn	204.202.000	204.202.000	568.514.600	568.514.600
- Công ty Cổ phần Vật tư Thương mại Vĩnh Phúc	775.620.750	775.620.750	379.408.579	379.408.579
- Công ty TNHH Môi trường xanh Trường Giang	2.003.866.700	2.003.866.700	-	-
- Công ty TNHH MTV Quảng cáo và Thương mại Hoàng Anh	1.590.340.000	1.590.340.000	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Việt Phương	153.117.000	153.117.000	62.559.000	62.559.000
- Các đối tượng khác	2.286.794.455	2.286.794.455	2.706.119.074	2.706.119.074
Dài hạn	-	-	-	-
	8.137.940.905	8.137.940.905	5.994.062.253	5.994.062.253

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VĨNH YÊN
 Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	409.609.690	4.802.185.174	4.470.107.721	741.687.143
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	564.343.541	1.054.854.841	564.343.541	1.054.854.840
- Thuế thu nhập cá nhân	18.946.216	45.678.763	30.506.871	34.118.108
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	532.332.554	532.332.554	-
	992.899.447	6.435.051.332	5.597.290.687	1.830.660.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	4.605.999.983	7.684.747.107
- Chi phí trả trước các công trình	4.605.999.983	7.684.747.107
Dài hạn	-	-
	4.605.999.983	7.684.747.107

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	30.333.011.298	4.386.484.816
- Kinh phí công đoàn	289.404.305	93.032.415
- Bảo hiểm xã hội	1.250.469.254	665.736.970
- Phải trả về cổ phần hóa	25.297.651.700	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.475.486.039	3.607.715.431
+ <i>Phải trả về thu phí vệ sinh môi trường</i>	-	<i>1.609.828.000</i>
+ <i>Phải trả cổ tức năm 2015</i>	<i>1.389.481.450</i>	-
+ <i>Tiền đền bù công trình rừng Lim</i>	<i>261.985.000</i>	<i>261.985.000</i>
+ <i>Kinh phí Ban QLDA xây dựng</i>	<i>35.200</i>	<i>146.578.000</i>
+ <i>Tiền đền bù giải phóng mặt bằng công trình vườn hoa Nghĩa trang thành phố</i>	<i>183.289.000</i>	<i>165.925.000</i>
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>1.640.695.389</i>	<i>1.423.399.431</i>
Dài hạn	-	-
	30.333.011.298	4.386.484.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2015	39.699.468.802	10.975.808	953.747.914	40.664.192.524
- Lãi trong năm trước	-	-	2.706.842.441	2.706.842.441
- Trích lập các quỹ	-	-	(953.747.914)	(953.747.914)
31/12/2015	39.699.468.802	10.975.808	2.706.842.441	42.417.287.051
01/01/2016	39.699.468.802	10.975.808	2.706.842.441	42.417.287.051
- Lãi trong năm	-	-	3.556.152.745	3.556.152.745
- Trích lập các quỹ	-	-	(1.317.360.991)	(1.317.360.991)
- Giảm khác	(8.802)	-	-	(8.802)
- Chia Cổ tức	-	-	(1.389.481.450)	(1.389.481.450)
31/12/2016	39.699.460.000	10.975.808	3.556.152.746	43.266.588.554

15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ sở hữu	VND	Tỷ lệ sở hữu
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Vinh Phúc	13.894.810.000	35,0%	35.927.460.000	90,5%
Ông Nguyễn Văn Thực	336.000.000	0,8%	336.000.000	0,8%
Ông Ngô Văn Hùng	22.032.650.000	55,5%	-	0,0%
Cổ đông khác	3.436.000.000	8,7%	3.436.008.802	8,7%
	<u>39.699.460.000</u>	<u>100,0%</u>	<u>39.699.468.802</u>	<u>100,0%</u>

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.699.460.000	39.699.468.802
+ Vốn góp đầu năm	39.699.468.802	39.699.468.802
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	8.802	-
+ Vốn góp cuối năm	39.699.460.000	39.699.468.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.969.946	3.969.946
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.969.946	3.969.946
+ Cổ phiếu phổ thông	3.969.946	3.969.946
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.969.946	3.969.946
+ Cổ phiếu phổ thông	3.969.946	3.969.946
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Khoản mục	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Tổng cộng
	VND	VND	
01/01/2016	7.036.279.261	61.210.604.995	68.246.884.256
Tăng trong năm	1.787.400.000	2.834.948.000	4.622.348.000
Giảm trong năm	(4.622.348.000)	(10.196.923.574)	(14.819.271.574)
31/12/2016	4.201.331.261	53.848.629.421	58.049.960.682

17. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa	13.310.710.819	15.314.787.422
Doanh thu công trình	-	7.605.565.955
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.894.141.067	72.588.964.794
	89.204.851.886	95.509.318.171

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Điều chỉnh khối lượng hoàn thành các DV công ích	541.298.909	489.270.909
	541.298.909	489.270.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa	13.248.895.544	13.447.614.900
Giá vốn cung cấp dịch vụ	62.212.319.267	63.738.948.352
Giá vốn công trình	-	6.678.298.512
	<u>75.461.214.811</u>	<u>83.864.861.764</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	92.926.895	30.236.273
	<u>92.926.895</u>	<u>30.236.273</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	9.193.062.140
- Chi phí nhân viên quản lý	5.675.652.426
- Chi phí vật liệu quản lý	155.679.100
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	543.139.721
- Chi phí bằng tiền khác	2.163.024.276
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	655.566.617
b. Các khoản chi phí bán hàng	38.550.000
- Chi phí nhân viên	38.550.000

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Điều chỉnh dự phòng phải trả	568.371.815	-
Các khoản khác	152.602.620	-
	<u>720.974.435</u>	<u>-</u>

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Các khoản bị phạt	326.429	-
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	173.293.341	-
- Chi khác	-	3.102.839
	<u>173.619.770</u>	<u>3.102.839</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.611.007.586	3.471.185.982
Các khoản chi phí không được khấu trừ	663.266.617	3.102.841
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT	7.700.000	-
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	655.566.617	-
- Chi phí không hợp lý khác (ko đầy đủ hóa đơn chứng từ)	-	3.102.841
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	5.274.274.203	3.474.288.823
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.054.854.841	764.343.541
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.054.854.841	764.343.541

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.556.152.745	1.389.481.450
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.969.946	3.969.946
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	896	350

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	3.556.152.745	2.706.842.441
Số trích lập quỹ khen thưởng	-	(1.317.360.991)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.556.152.745	1.389.481.450

Trong năm 2016, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 số tiền 1.317.360.991 đồng. Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh lại, số trước điều chỉnh là 682 đồng.

ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành

	Năm 2016	Năm 2015
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	3.969.946	3.969.946
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	3.969.946	3.969.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	17.586.943.845
Chi phí nhân công	31.105.293.787
Khấu hao tài sản cố định	14.916.219.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.569.345.679
Chi phí bằng tiền khác	5.515.023.664
	<u><u>84.692.826.951</u></u>

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.063.592.476	8.045.741.008
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.085.630.086	44.389.305.069
	73.149.222.562	52.435.046.077
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	36.278.867.509	6.992.302.223
Chi phí phải trả	4.605.999.983	7.684.747.107
	40.884.867.492	14.677.049.330
Trạng thái ròng	32.264.355.070	37.757.996.747

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	36.278.867.509	-	36.278.867.509
	40.884.867.492	-	40.884.867.492
01/01/2016			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	6.992.302.223	-	6.992.302.223
Chi phí phải trả	7.684.747.107	-	7.684.747.107
	14.677.049.330	-	14.677.049.330

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.063.592.476	-	27.063.592.476
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.085.630.086	600.000.000	46.685.630.086
	73.149.222.562	600.000.000	73.749.222.562
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.045.741.008	-	8.045.741.008
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.389.305.069	600.000.000	44.989.305.069
	52.435.046.077	600.000.000	53.035.046.077

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VINH YÊN
Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 THÔNG TIN VỀ ĐẤT

STT	Tên địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý
1	Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 29; Phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc	2.485,3	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BI 680468 ngày 6/11/2013 do UBND tỉnh Vinh Phúc cấp
2	Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07; Phường Ngõ Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc	215,6	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BI 680471 ngày 6/11/2013 do UBND tỉnh Vinh Phúc cấp
3	Thửa đất số 599, tờ bản đồ số 53; Phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc	1.860,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất thương mại, dịch vụ	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BS 912555 ngày 12/09/2014 do UBND tỉnh Vinh Phúc cấp
4	Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 51; Phường Hội Hợp, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc	7.889,1	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BI 680469 ngày 6/11/2013 do UBND tỉnh Vinh Phúc cấp
5	Thửa đất số 775, tờ bản đồ số 29; Phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc	1.380,5	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	10/03/2060	Giấy chứng nhận QSD đất số BI 680473 ngày 6/11/2013 do UBND tỉnh Vinh Phúc cấp

Công ty còn phần diện tích đất làm vườn ươm cây tại Xã Định Trung – Vinh Yên với tổng diện tích đất theo Quyết định thu hồi, giải phóng mặt bằng: 97.502,3m², trong đó: tổng diện tích đất đã thực hiện đền bù: 78.818 m², tổng diện tích đất còn lại chưa đền bù được: 18.687,3 m². Do dự án này chưa hoàn thành việc đền bù giải phóng mặt bằng nên chưa có các thủ tục thu hồi và bàn giao quyền sử dụng đất cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

29.2 BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng	582.143.000	881.663.800

29.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ theo dõi một bộ phận duy nhất là bộ phận hoạt động vệ sinh môi trường trên 1 lãnh thổ địa lý duy nhất. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

29.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đào Phương Liễu

Ngô Văn Thúc

Ngô Văn Hùng